

Số: 492 /ĐHK-T-KHĐTKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2023

**Kính gửi: Các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm**

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm 2024 và kết quả đăng ký học phần của sinh viên Hệ VB2CQ và LTĐHCQ, Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí trân trọng gửi đến các Trường Thành viên, Khoa, Viện, Trung tâm **Thời khóa biểu chính thức Học kỳ Đầu năm 2024** của các khóa sau:

- + Khóa 24.1, 24.2, 25.1, 25.2, 26.1, 26.2 - Hệ Văn bằng 2 chính quy,
- + Khóa 26.2, 27.1, 27.2, 28.1, 28.2, 28.3 - Hệ Liên thông đại học chính quy,

**Thời khóa biểu chính thức có sự thay đổi so với Thời khóa biểu dự kiến về việc hủy, bổ sung, điều chỉnh một số lớp học phần. Phòng Kế hoạch đào tạo – Khảo thí kính đề nghị các đơn vị lưu ý Giảng viên / Sinh viên thường xuyên truy cập thông tin trên dashboard cá nhân / portal UEH để cập nhật thông tin thời khóa biểu chính xác nhất.**

Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí kính đề nghị Quý Thầy/Cô Trưởng Bộ môn, Trưởng Khoa lưu ý tiếp tục thực hiện quy trình đăng ký giảng dạy theo website <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn> với kế hoạch thời gian cụ thể đính kèm theo văn bản này.

Phòng Kế hoạch đào tạo - Khảo thí kính đề nghị Quý Thầy/Cô lưu ý nội dung Thông báo số 2612/TB-ĐHK-T-KHĐTKT ngày 06/12/2023 về việc giảng dạy, học tập hình thức trực tuyến tuần trước và sau Tết Cổ truyền.

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, xin vui lòng liên hệ về Phòng kế hoạch đào tạo - Khảo thí.

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- P. ĐT, P. TCKT;
- P. CSHTNH, P. TTPC; P. CSVC;
- Website P. KHĐTKT;
- Lưu: VT, KHĐTKT.

**TL. GIÁM ĐỐC  
KT. TRƯỞNG PHÒNG P.KHĐT - KT  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

**ThS. Võ Thị Tâm**

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024**

| <b>GIẢNG ĐƯỜNG</b> | <b>CƠ SỞ</b>                             | <b>ĐỊA CHỈ</b>                            | <b>GHI CHÚ</b> |
|--------------------|--|---|----------------|
| GD A...            | Cơ sở A                                  | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |                |
| GD B1...           | Cơ sở B – Khu B1                         | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |                |
| GD B2...           | Cơ sở B – Khu B2                         | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |                |
| GD C...            | Cơ sở C                                  | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |                |
| GD E...            | Cơ sở E                                  | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |                |
| GD H...            | Cơ sở H                                  | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |                |
| GD V...            | Cơ sở Võ Thị Sáu (Viện Đồi mới sáng tạo) | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |                |
| GD N1...           | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ                  | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |                |
| GD N2...           | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường              | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |                |

**KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY**  
(Link thực hiện đăng ký: <https://dangkygiangday.ueh.edu.vn>)

| <b>KHÓA HỌC</b>  | <b>THỜI GIAN</b>          |                            |                              | <b>GHI CHÚ</b>                                       |
|--|---------------------------|----------------------------|------------------------------|--|
|  | <b>Giảng viên đăng ký</b> | <b>Trưởng bộ môn duyệt</b> | <b>Trưởng Khoa phê duyệt</b> |  |
| + Khóa 24.1, 24.2, 25.1, 25.2, 26.1, 26.2<br>- Hệ VB2CQ  | 13/11/23 – 17/12/23       | 18/12/23 – 25/12/23        | 26/12/23 – 27/12/23          | Dự kiến thời gian phát hành TKB chính thức: 22/12/23 |
| + Khóa 26.2, 27.1, 27.2, 28.1, 28.2, 28.3<br>- Hệ LTDHCQ |                           |                            |                              |  |

**THỜI KHÓA BIỂU CÁC KHÓA HỆ VB2CQ, LTCQ  
HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2024  
(Sắp xếp theo Khóa, Ngành, Chuyên ngành)**

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 24.1 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 6) (CHÍNH THỨC)

Các lớp Khóa 24.1 VB2CQ thực tập, tốt nghiệp theo kế hoạch của Phòng Đào tạo và các Đơn vị đào tạo

### CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 24.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - AD |           | 10 | 24D2MAN50205101 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

### CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 24.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - AV |           | 10 | 24D2ENG51305301 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

### CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 24.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - KN |           | 10 | 24D2ACC50704901 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

### CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 24.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - LA |           | 10 | 24D2LAW51104001 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

**NGÀNH MARKETING KHÓA 24.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - MR |           | 10 | 24D2MAR50305501 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 24.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - NH |           | 10 | 24D2BAN50602601 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC KHÓA 24.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Khóa luận tốt nghiệp - NS |           | 10 | 24D2ECO50108301 | 200      |        |     |    |         |    |               |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 24.2 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 5) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtkt.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Lập kế hoạch kinh doanh |           | 3  | 24D2MAN50201701 | 50       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Lãnh đạo                |           | 3  | 24D2MAN50201801 | 50       | AD01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị sự thay đổi    |           | 2  | 24D2MAN50213301 | 50       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 06/01/24 - 16/03/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn nhóm Quản trị gia, Chọn 3 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV            | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tư duy thiết kế trong kinh doanh |           | 3  | 24D2MAN50211401 | 50       | HPTC.QTG<br>.AD01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 23/03/24 - 22/06/24 |         |
| Văn hóa tổ chức                  |           | 3  | 24D2MAN50212601 | 50       | HPTC.QTG<br>.AD01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Đạo đức kinh doanh               |           | 3  | 24D2MAN50202101 | 50       | HPTC.QTG<br>.AD01 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Biên dịch thương mại                    |           | 3  | 24D2ENG51305001 | 40       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa       |           | 3  | 24D2ENG51306901 | 40       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị         |           | 3  | 24D2ENG51304201 | 40       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh |           | 3  | 24D2ENG51304301 | 40       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                                   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếng Anh chuyên ngành<br>Du lịch và Khách sạn |           | 3  | 24D2ENG51304801 | 40       | HPTC.4.A<br>V01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vi mô     |           | 3  | 24D2ECO50100101 | 40       | EE01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Nguyên lý kế toán |           | 3  | 24D2ACC50700101 | 40       | EE01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thanh toán điện tử   |           | 3  | 24D2INF50903001 | 40       | HPTC.2.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật thương mại điện tử       |           | 3  | 24D2LAW51103901 | 40       | HPTC.3.EE<br>01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |           | 3  | 24D2INF50908501 | 40       | HPTC.4.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định ngân sách<br>vốn đầu tư                |           | 3  | 24D2FIN50500801 | 60       | FN01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Sáp nhập, mua lại và tái<br>cấu trúc doanh nghiệp |           | 3  | 24D2FIN50509001 | 60       | FN01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 3 trong 4 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ tài chính                           |           | 3  | 24D2FIN50508901 | 60       | HPTC.2.FN<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Tài chính hành vi                             |           | 3  | 24D2FIN50500701 | 60       | HPTC.2.FN<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Vốn cổ phần tư nhân và<br>vốn đầu tư mạo hiểm |           | 3  | 24D2FIN50508801 | 60       | HPTC.2.FN<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Định giá doanh nghiệp                         |           | 3  | 24D2FIN50500601 | 60       | HPTC.2.FN<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| An toàn thông tin kế toán                      |           | 3  | 24D2ACC50707901 | 60       | KN01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT |           | 3  | 24D2ACC50712301 | 60       | KN01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 09/04/24 - 18/06/24 |         |
|  |           |    |                 |          |         | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 11/04/24 - 09/05/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo |           | 3  | 24D2ACC50712401 | 60       | HPTC.KN0<br>1,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị rủi ro tài chính              |           | 3  | 24D2FIN50501601 | 60       | HPTC.KN0<br>1,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |
|  |           |    |                 |          |                  | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 16/05/24 - 20/06/24 |         |
| Thanh toán quốc tế                     |           | 3  | 24D2BAN50600901 | 60       | HPTC.KN0<br>1,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 24.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật kinh doanh các dịch vụ tài chính |           | 3  | 24D2LAW51105801 | 90       | LK01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 trong 2 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý      |           | 2  | 24D2LAW51109901 | 90       | HPTC.2.LK<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
| Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng |           | 2  | 24D2LAW51110001 | 90       | HPTC.2.LK<br>01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 24.2 VB2CQ (tiếp theo)

[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 trong 2 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng hành nghề luật sư     |           | 2  | 24D2LAW51102501 | 90       | HPTC.3.LK<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
| Kỹ năng pháp chế doanh nghiệp |           | 2  | 24D2LAW51110101 | 90       | HPTC.3.LK<br>01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |

[Học phần tự chọn nhóm 4: Chọn 2 trong 4 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Luật kinh doanh bất động sản |           | 2  | 24D2LAW51103401 | 90       | HPTC.4.LK<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 14/03/24 - 09/05/24 |            |
| Luật môi trường              |           | 2  | 24D2LAW51103201 | 90       | HPTC.4.LK<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 20/04/24 - 22/06/24 | <b>HỦY</b> |
| Luật thương mại điện tử      |           | 2  | 24D2LAW51106301 | 90       | HPTC.4.LK<br>01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 18/03/24 - 13/05/24 |            |
| Pháp luật và nền kinh tế số  |           | 2  | 24D2LAW51110701 | 90       | HPTC.4.LK<br>01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 05/01/24 - 08/03/24 |            |

[Học phần tự chọn nhóm 5: Chọn 3 trong 6 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV    | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật thuế trong kinh |           | 2  | 24D2LAW51110801 | 90       | HPTC.5.LK | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 16/05/24 - 18/07/24 |         |

|   |  |   |                 |    |                    |   |   |               |        |                     |            |
|---|--|---|-----------------|----|--------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|------------|
| doanh                                   |  |   |                 |    | 01,02              |   |   |               |        |                     |            |
| Luật thương mại quốc tế 2               |  | 2 | 24D2LAW51101201 | 90 | HPTC.5.LK<br>01,02 | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 13/03/24 - 08/05/24 | <b>HỦY</b> |
| Luật trọng tài thương mại               |  | 2 | 24D2LAW51102701 | 90 | HPTC.5.LK<br>01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 14/05/24 - 16/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Luật đầu tư                             |  | 2 | 24D2LAW51102801 | 90 | HPTC.5.LK<br>01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 12/03/24 - 07/05/24 |            |
| Luật đấu thầu và đấu giá                |  | 2 | 24D2LAW51110901 | 90 | HPTC.5.LK<br>01,02 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 15/03/24 - 03/05/24 |            |
| Pháp luật về xuất nhập khẩu và hải quan |  | 2 | 24D2LAW51111001 | 90 | HPTC.5.LK<br>01,02 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-601 | 10/05/24 - 12/07/24 |            |

### NGÀNH MARKETING KHÓA 24.2 VB2CQ

[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.1 LTCQ]

[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị đổi mới sáng tạo |           | 3  | 24D4BUS50319601 | 90       | HPTC.1.M<br>R01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing dịch vụ |           | 3  | 24D4MAR50303101 | 90       | HPTC.2.M<br>R01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing xã hội |           | 3  | 24D4MAR50320401 | 90       | HPTC.3.M<br>R01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 24.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.1 VB2CQ + CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị xuất nhập khẩu |           | 3  | 24D2BUS50301201 | 60       | IB01, FT01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 27.1 LTCQ]**

**[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing quốc tế |           | 3  | 24D4MAR50301902 | 50       | HPTC.1.IB<br>03 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị đa văn hóa |           | 3  | 24D4BUS50304502 | 50       | HPTC.2.IB<br>03 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nghiên cứu marketing |           | 3  | 24D4MAR50301702 | 50       | HPTC.3.IB<br>03 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 24.2 VB2CQ

[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.1 VB2CQ + CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ]

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị xuất nhập khẩu |           | 3  | 24D2BUS50301201 | 60       | IB01, FT01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.1 LTCQ]

[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing toàn cầu |           | 3  | 24D4MAR50318601 | 90       | HPTC.1.FT<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị dịch vụ |           | 3  | 24D4COM50304101 | 90       | HPTC.2.FT<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Mua hàng và cung ứng toàn cầu |           | 3  | 24D4BUS50312201 | 90       | HPTC.3.FT<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 24.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật ngân hàng     |           | 2  | 24D4BAN50608501 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |
| Thanh toán quốc tế |           | 3  | 24D4BAN50600904 | 50       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định tài chính cá nhân          |           | 3  | 24D4BAN50601301 | 50       | HPTC.2.N<br>H01 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50608901 | 50       | HPTC.2.N<br>H01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50601801 | 50       | HPTC.3.N<br>H01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |           | 3  | 24D1BAN50609101 | 60       | NH001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 24.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Bảo hiểm xã hội                         |           | 3  | 24D1ECO50103201 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-510 | 09/01/24            |         |
| Hoạch định và tuyển dụng nguồn nhân lực |           | 2  | 24D1ECO50116201 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-302 | 04/01/24 - 22/02/24 |         |
| Phát triển nguồn nhân lực               |           | 2  | 24D1ECO50103301 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 14/03/24 - 25/04/24 |         |
| Quan hệ lao động                        |           | 3  | 24D1ECO50102601 | 50       | HR001  | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-202 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |
| Tâm lý học quản lý                      |           | 3  | 24D1ECO50102201 | 50       | HR001  | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |
| Tiền lương và phúc lợi                  |           | 3  | 24D1ECO50103101 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-301 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN (Chọn 1 học phần)**

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV         | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phát triển kỹ năng lãnh đạo |           | 2  | 24D1ECO50103401 | 50       | HPTC.IHR<br>.1 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-202 | 06/01/24 - 02/03/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 25.1 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 4) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                 | ĐỊA CHỈ                           | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------|-----------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A               | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3 |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1      | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2      | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD C...     | Cơ sở C               | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10    |         |
| GD E...     | Cơ sở E               | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1  |         |
| GD H...     | Cơ sở H               | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận  |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST) | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3      |         |

|          |                             |   |  |
|----------|-----------------------------|---|--|
| GD N1... | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |
| GD N2... | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 25.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh trong bối cảnh kỹ thuật số |           | 3  | 24D2MAN50215501 | 60       | AD01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-412 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Lãnh đạo                              |           | 3  | 24D2MAN50201802 | 60       | AD01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-412 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Phát triển kỹ năng quản trị           |           | 3  | 24D2MAN50201901 | 60       | AD01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-412 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Quản trị rủi ro doanh nghiệp          |           | 3  | 24D2MAN50201301 | 60       | AD01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-412 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Triển khai chiến lược                 |           | 3  | 24D2MAN50201601 | 60       | AD01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-412 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 25.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa |           | 3  | 24D2ENG51306902 | 40       | AV01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |

|                                  |    |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|----------------------------------|----|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Luật kinh doanh (EN)             | EN | 3 | 24D2LAW51100201 | 40 | AV01 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 05/01/24 - 05/04/24 |  |
| Marketing căn bản - EN           | EN | 3 | 24D2MAR50316101 | 40 | AV01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 08/01/24 - 08/04/24 |  |
| Quản trị kinh doanh quốc tế (EN) | EN | 3 | 24D2BUS50305101 | 40 | AV01 | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 03/01/24 - 03/04/24 |  |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị nguồn nhân lực - EN | EN        | 3  | 24D2MAN50211601 | 40       | HPTC.3.A<br>V01 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 25.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định ngân sách vốn đầu tư |           | 3  | 24D2FIN50500802 | 90       | FN01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Phân tích tài chính             |           | 3  | 24D2FIN50509601 | 90       | FN01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Quản trị rủi ro tài chính       |           | 3  | 24D2FIN50501602 | 90       | FN01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Tài chính công ty đa quốc gia   |           | 3  | 24D2FIN50501401 | 90       | FN01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Tài chính định lượng            |           | 3  | 24D2FIN50503801 | 90       | FN01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-211 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại |           | 3  | 24D2CUS50403401 | 30       | HQ01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |

|   |  |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|---|--|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Di trú quốc tế: chính sách và luật pháp |  | 2 | 24D2CUS50406001 | 30 | HQ01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 08/01/24 - 11/03/24 |  |
| Nguyên lý kiểm hóa                      |  | 3 | 24D2CUS50403301 | 30 | HQ01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 18/03/24 - 24/06/24 |  |
| Nhập môn định giá hải quan              |  | 3 | 24D2CUS50403601 | 30 | HQ01 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 05/01/24 - 05/04/24 |  |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV       | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-------|----|-----------------|-------|--------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quy định vận tải hàng hải và hàng không |       | 3  | 24D2CUS50406101 | 30    | HPTC.3.H Q01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Thanh toán quốc tế |       | 3  | 24D4BAN50600904 | 50    | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.1 VB2CQ + CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-------|----|-----------------|-------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dự án kinh doanh quốc tế               |       | 3  | 24D2BUS50301301 | 60    | IB01, FT01 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Logistics quốc tế                      |       | 3  | 24D2BUS50310701 | 60    | IB01, FT01 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty đa quốc gia |       | 3  | 24D2BUS50301101 | 60    | IB01, FT01 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị xuất nhập khẩu                |       | 3  | 24D2BUS50301201 | 60    | IB01, FT01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Thương mại quốc tế                     |       | 3  | 24D2COM50302201 | 60    | IB01, FT01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 25.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| An toàn thông tin kế toán |       | 3  | 24D2ACC50707902 | 80    | KN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Kế toán quốc tế 2         |       | 3  | 24D2ACC50703101 | 80    | KN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |

|  |  |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|--|--|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Kế toán tài chính nâng cao 2             |  | 3 | 24D2ACC50712201 | 80 | KN01 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 05/01/24 - 05/04/24 |  |
| Kiểm toán báo cáo tài chính              |  | 3 | 24D2ACC50712701 | 80 | KN01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 08/01/24 - 08/04/24 |  |
| Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS |  | 3 | 24D2ACC50704601 | 80 | KN01 | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 10/04/24 - 17/07/24 |  |

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 25.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật cạnh tranh           |           | 2  | 24D2LAW51102101 | 60       | LK01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 15/04/24 - 24/06/24 |         |
| Luật doanh nghiệp         |           | 3  | 24D2LAW51109801 | 60       | LK01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Luật sở hữu trí tuệ       |           | 2  | 24D2LAW51101401 | 60       | LK01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 05/01/24 - 08/03/24 |         |
| Luật thương mại           |           | 3  | 24D2LAW51105901 | 60       | LK01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Luật thương mại quốc tế 1 |           | 3  | 24D2LAW51101101 | 60       | LK01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 trong 2 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý |           | 2  | 24D2LAW51109902 | 60       | HPTC.2.LK<br>01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 15/03/24 - 03/05/24 | <b>HỦY</b> |
| Kỹ năng đàm phán và               |           | 2  | 24D2LAW51110002 | 60       | HPTC.2.LK          | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-411 | 10/05/24 - 12/07/24 |            |

|                    |  |  |  |  |       |  |  |  |  |  |  |
|--------------------|--|--|--|--|-------|--|--|--|--|--|--|
| soạn thảo hợp đồng |  |  |  |  | 01,02 |  |  |  |  |  |  |
|--------------------|--|--|--|--|-------|--|--|--|--|--|--|

**NGÀNH MARKETING KHÓA 25.1 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.2 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phân tích kinh doanh |           | 3  | 24D2BUS50318001 | 60       | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.2 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Truyền thông Marketing tích hợp |           | 3  | 24D4MAR50319501 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.1 LTCQ]**

**[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị đổi mới sáng tạo |           | 3  | 24D4BUS50319602 | 50       | HPTC.1.M<br>R03 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing dịch vụ |           | 3  | 24D4MAR50303102 | 50       | HPTC.2.M<br>R03 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 06/01/24 - 13/04/24 | <b>HỦY</b> |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing xã hội |           | 3  | 24D4MAR50320402 | 50       | HPTC.3.M<br>R03 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 25.1 VB2CQ**

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị tài sản trí tuệ      |           | 3  | 24D1ECO50114402 | 50       | VA001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | A114   | 14/03/24 - 16/05/24 |         |
| Thẩm định giá máy - thiết bị  |           | 3  | 24D1ECO50104802 | 50       | VA001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-301 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|                               |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-509 | 20/01/24            |         |
| Thẩm định giá tài sản vô hình |           | 3  | 24D1ECO50105002 | 50       | VA001  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-301 | 12/03/24 - 14/05/24 |         |
| Thực hành quản trị dự án      |           | 3  | 24D1ECO50110306 | 50       | VA001  | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-301 | 12/03/24 - 14/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN (Chọn 1 học phần)**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Thẩm định giá đầu tư |           | 3  | 24D1ECO50114502 | 50       | HPTC.I.VA<br>.1 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-301 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|                      |           |    |                 |          |                 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-509 | 13/01/24            |         |

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN KHÓA 48]

| TÊN HỌC PHẦN               | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Thẩm định giá bất động sản |           | 3  | 24D1ECO50104701 | 50       | VA001  | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-402 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |

NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 25.1 VB2CQ

[Học phần học chung với NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Bảo hiểm xã hội                         |           | 3  | 24D1ECO50103201 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-510 | 09/01/24            |         |
| Hoạch định và tuyển dụng nguồn nhân lực |           | 2  | 24D1ECO50116201 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-302 | 04/01/24 - 22/02/24 |         |
| Phát triển nguồn nhân lực               |           | 2  | 24D1ECO50103301 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 14/03/24 - 25/04/24 |         |
| Quan hệ lao động                        |           | 3  | 24D1ECO50102601 | 50       | HR001  | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-202 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |
| Tâm lý học quản lý                      |           | 3  | 24D1ECO50102201 | 50       | HR001  | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-408 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |

|                        |  |   |                 |    |       |   |   |               |        |                     |  |
|------------------------|--|---|-----------------|----|-------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Tiền lương và phúc lợi |  | 3 | 24D1ECO50103101 | 50 | HR001 | 5 | 5 | 07g10 - 11g30 | N2-301 | 14/03/24 - 16/05/24 |  |
|------------------------|--|---|-----------------|----|-------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|

### NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 25.1 VB2CQ

[Học phần học chung với NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 48]

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ phần mềm |           | 3  | 24D1INF50901201 | 55       | SE001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-508 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

[Học phần học chung với **[CT chuẩn]** NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ + **[CT TA BP]** NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 49 ĐHCQ]

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ   | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------|-----|----|---------------|------|---------------------|---------|
| Thông kê ứng dụng trong Kté và KD |           | 3  | 24D1STA50800536 | 70       | (GDQP2)_<br>KS0001,KS<br>P001 | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | A217 | 05/01/24 - 15/03/24 |         |

### NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 25.1 VB2CQ (TIẾP THEO)

[Học phần học chung với NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ và đổi mới |           | 3  | 24D1INF50904102 | 45       | SE001  | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-301 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|                      |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-306 | 20/01/24            |         |
| Máy học              |           | 3  | 24D1INF50904401 | 45       | SE001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-101 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 1: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kiến trúc phần mềm<br>hướng dịch vụ |           | 3  | 24D1INF50902201 | 48       | HPTC.I.SE. | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N1-301 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
|                                     |           |    |                 |          | 2          | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-306 | 08/01/24            |         |

[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ]

[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ hỗ trợ quản trị thông<br>minh |           | 3  | 24D2INF50908501 | 40       | HPTC.4.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

[Học phần học chung với **[CT chuẩn]** NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ]

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nguyên lý kế toán |           | 3  | 24D1ACC50700102 | 90       | (GDQP1)_<br>AU0001,A<br>U0002 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-601 | 24/02/24 - 20/04/24 |         |

CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 25.1 VB2CQ

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phương pháp định lượng<br>trong lĩnh vực tài chính<br>ngân hàng |           | 3  | 24D1BAN50609101 | 60       | NH001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh ngoại hối                   |           | 3  | 24D4BAN50603202 | 40       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Phân tích tín dụng và quản trị cho vay |           | 3  | 24D4BAN50600701 | 40       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.2 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50601101 | 50       | NH01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 15/03/24 - 31/05/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật ngân hàng |           | 2  | 24D4BAN50608501 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 25.1 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dịch vụ mạng Internet |           | 3  | 24D1INF50902501 | 31       | EE001.1 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-511 | 12/03/24 - 14/05/24 |         |
| Thương mại điện tử    |           | 3  | 24D1INF50901305 | 31       | EE001.1 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-511 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |

|  |  |  |  |  |  |   |   |               |        |          |  |
|--|--|--|--|--|--|---|---|---------------|--------|----------|--|
|  |  |  |  |  |  | 7 | 5 | 12g45 - 17g05 | B2-102 | 20/01/24 |  |
|--|--|--|--|--|--|---|---|---------------|--------|----------|--|

[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ]

[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thanh toán điện tử   |           | 3  | 24D2INF50903001 | 40       | HPTC.2.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật thương mại điện tử       |           | 3  | 24D2LAW51103901 | 40       | HPTC.3.EE<br>01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |           | 3  | 24D2INF50908501 | 40       | HPTC.4.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

### THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 25.2 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 3) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |

|             |                         |
|-------------|-------------------------|
| Dự trữ KHĐT | 03/06/2024 – 16/06/2024 |
|-------------|-------------------------|

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024**

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 25.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hành vi tổ chức     |           | 3  | 24D2MAN50200601 | 50       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-301 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Quản trị chất lượng |           | 3  | 24D2MAN50200701 | 50       | AD01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-301 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

|                                     |  |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|-------------------------------------|--|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Quản trị chiến lược                 |  | 3 | 24D2MAN50201101 | 50 | AD01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-301 | 11/04/24 - 18/07/24 |  |
| Thẩm định dự án                     |  | 3 | 24D2MAN50201001 | 50 | AD01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-301 | 09/04/24 - 16/07/24 |  |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp |  | 3 | 24D2MAN50212401 | 50 | AD01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-301 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 25.2 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hình thái - Cú pháp học             |           | 2  | 24D2ENG51303901 | 60       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
| Kỹ năng Nghe TATM 6                 |           | 2  | 24D2LIS51301401 | 60       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
| Kỹ năng Nói TATM 6                  |           | 2  | 24D2SPE51302001 | 60       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 06/01/24 - 16/03/24 |         |
| Kỹ năng Viết học thuật              |           | 3  | 24D2WRI51307101 | 60       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 23/03/24 - 22/06/24 |         |
| Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh |           | 2  | 24D2ENG51303301 | 60       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 12/03/24 - 07/05/24 |         |
| Kỹ năng Đọc TATM 6                  |           | 2  | 24D2REA51302601 | 60       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 14/03/24 - 09/05/24 |         |
| Quản trị học (EN)                   | EN        | 2  | 24D2MAN50200201 | 60       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 16/05/24 - 18/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Từ vựng học  |           | 2  | 24D2ENG51304001 | 60       | HPTC.2.A<br>V01 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-505 | 14/05/24 - 16/07/24 |         |

[Lịch học ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) dành cho chuyên ngành Tiếng Anh thương mại]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|--------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
|--------------|-----------|----|--------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|

|                                       |   |                 |    |                  |   |   |               |        |                     |  |
|---------------------------------------|---|-----------------|----|------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 1 | 3 | 24D2CHN51310101 | 60 | NN2.CHN.<br>AV01 | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 03/01/24 - 24/01/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 05/01/24 - 26/01/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 08/01/24 - 29/01/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 2 | 3 | 24D2CHN51310201 | 60 | NN2.CHN.<br>AV01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 26/02/24 - 18/03/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 28/02/24 - 20/03/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 01/03/24 - 22/03/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 3 | 3 | 24D2CHN51310301 | 60 | NN2.CHN.<br>AV01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 01/04/24 - 22/04/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 03/04/24 - 24/04/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 05/04/24 - 26/04/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 4 | 3 | 24D2CHN51310401 | 60 | NN2.CHN.<br>AV01 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 06/05/24 - 27/05/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 08/05/24 - 29/05/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 10/05/24 - 31/05/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 1 | 3 | 24D2CHN51310102 | 60 | NN2.CHN.<br>AV02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 02/01/24 - 23/01/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 04/01/24 - 25/01/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 06/01/24 - 27/01/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 2 | 3 | 24D2CHN51310202 | 60 | NN2.CHN.<br>AV02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 27/02/24 - 19/03/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 29/02/24 - 21/03/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 02/03/24 - 23/03/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 3 | 3 | 24D2CHN51310302 | 60 | NN2.CHN.<br>AV02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 02/04/24 - 23/04/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 04/04/24 - 02/05/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 06/04/24 - 27/04/24 |  |
| Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung Quốc) phần 4 | 3 | 24D2CHN51310402 | 60 | NN2.CHN.<br>AV02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 07/05/24 - 28/05/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 09/05/24 - 30/05/24 |  |
|                                       |   |                 |    |                  | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-702 | 11/05/24 - 01/06/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 25.2 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN | VN/ | TC | MÃ LHP | SL | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|-----|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
|--------------|-----|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|

|  |           |   |                 |           |      |   |   |               |        |                     |  |
|--|-----------|---|-----------------|-----------|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
|  | <b>EN</b> |   |                 | <b>DK</b> |      |   |   |               |        |                     |  |
| Kinh tế lượng tài chính                              |           | 3 | 24D2FIN50500401 | 80        | FN01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 02/01/24 - 02/04/24 |  |
| Kinh tế lượng tài chính nâng cao                     |           | 3 | 24D2FIN50501001 | 80        | FN01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 09/04/24 - 16/07/24 |  |
| Đầu tư tài chính                                     |           | 3 | 24D2FIN50509501 | 80        | FN01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |
| Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính |           | 3 | 24D2FIN50508601 | 80        | FN01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 04/01/24 - 04/04/24 |  |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV      | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-------|----|-----------------|-------|-------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật doanh nghiệp |       | 3  | 24D2LAW51103701 | 80    | HPTC.1.FN01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |

#### **NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á           |       | 3  | 24D2BUS50318101 | 60    | IB01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng |       | 3  | 24D2BUS50318301 | 60    | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Mô phỏng kinh doanh                     |       | 3  | 24D2BUS50313001 | 60    | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Phân tích kinh doanh                    |       | 3  | 24D2BUS50318001 | 60    | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế         |       | 3  | 24D2BUS50318201 | 60    | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

#### **NGÀNH MARKETING KHÓA 25.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.2 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Mô phỏng kinh doanh  |           | 3  | 24D2BUS50313001 | 60       | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Phân tích kinh doanh |           | 3  | 24D2BUS50318001 | 60       | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.2 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Truyền thông Marketing tích hợp |           | 3  | 24D4MAR50319501 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Tư duy sáng tạo trong marketing |           | 3  | 24D4MAR50319401 | 90       | MR01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.1 LTCQ]**

**[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị đổi mới sáng tạo |           | 3  | 24D4BUS50319601 | 90       | HPTC.1.M<br>R01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing dịch vụ |           | 3  | 24D4MAR50303101 | 90       | HPTC.2.M<br>R01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing xã hội |           | 3  | 24D4MAR50320401 | 90       | HPTC.3.M<br>R01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 25.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin kế toán   |           | 3  | 24D2ACC50701401 | 80       | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-504 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Kế toán quản trị 2           |           | 3  | 24D2ACC50706401 | 80       | KN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-504 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Kế toán quốc tế 1            |           | 3  | 24D2ACC50703001 | 80       | KN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-504 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Kế toán tài chính nâng cao 1 |           | 3  | 24D2ACC50712101 | 80       | KN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-504 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Phân tích báo cáo tài chính  |           | 3  | 24D2ACC50702001 | 80       | KN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-504 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 25.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật lao động        |           | 3  | 24D2LAW51111401 | 60       | LK01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Luật tố tụng dân sự  |           | 3  | 24D2LAW51102001 | 60       | LK01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Luật tố tụng hình sự |           | 2  | 24D2LAW51101901 | 60       | LK01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |
| Luật đất đai         |           | 2  | 24D2LAW51101501 | 60       | LK01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 11/04/24 - 20/06/24 |         |
| Tư pháp quốc tế      |           | 3  | 24D2LAW51101701 | 60       | LK01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học |           | 3  | 24D2MAN50200101 | 60       | HPTC.1.LK<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

**NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 25.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ phần mềm          |           | 3  | 24D1INF50901201 | 55       | SE001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-508 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |
| Lập trình hướng đối tượng   |           | 3  | 24D1INF50903701 | 55       | SE001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-508 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
|                             |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-508 | 12/01/24            |         |
| Mạng máy tính               |           | 3  | 24D1INF50902401 | 55       | SE001  | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507 | 18/03/24 - 13/05/24 |         |
|                             |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507 | 10/05/24            |         |
| Phát triển ứng dụng Desktop |           | 3  | 24D1INF50903801 | 55       | SE001  | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |
|                             |           |    |                 |          |        | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-508 | 19/01/24            |         |

**[Học phần học chung với [CT chuẩn] NGÀNH KIỂM TOÁN KHÓA 49 ĐHCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Thống kê ứng dụng trong Kế và KD |           | 3  | 24D1STA50800502 | 90       | (GDQP1)_<br>AU0001,A<br>U0002 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-601 | 20/02/24 - 16/04/24 |         |

**NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 25.2 VB2CQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Bảo hiểm xã hội        |           | 3  | 24D1ECO50103201 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|                        |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-510 | 09/01/24            |         |
| Tiền lương và phúc lợi |           | 3  | 24D1ECO50103101 | 50       | HR001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-301 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN                               | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị nguồn nhân lực và hành vi tổ chức |           | 3  | 24D1ECO50116002 | 60       | HR002  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-207 | 22/03/24 - 17/05/24 |         |
| Truyền thông và giao tiếp trong tổ chức    |           | 3  | 24D1ECO50102702 | 60       | HR002  | 6   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-207 | 05/01/24 - 15/03/24 |         |

**HP TỰ CHỌN: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Khoa học chính sách         |           | 3  | 24D1ECO50116501 | 60       | HPTC.I.HR<br>.1 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-207 | 12/03/24 - 14/05/24 |         |
| Kinh tế học quản lý nhân sự |           | 3  | 24D1ECO50102401 | 60       | HPTC.I.HR<br>.2 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-207 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.2 VB2CQ****[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật thương mại quốc tế      |           | 3  | 24D1LAW51106501 | 60       | HQ001  | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-207 | 05/01/24 - 15/03/24 |         |
| Nhập môn phân loại thuế quan |           | 3  | 24D1CUS50403101 | 60       | HQ001  | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-404 | 18/03/24 - 13/05/24 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-510 | 17/04/24            |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại |           | 3  | 24D1CUS50403401 | 63       | HQ001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-105 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-104 | 09/01/24            |         |
| Nguyên lý kiểm hóa                      |           | 3  | 24D1CUS50403301 | 63       | HQ001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-105 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**[Học phần học chung với [CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ + [CT chuẩn] CHUYÊN NGÀNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH KHÓA 49 ĐHCQ**

| TÊN HỌC PHẦN  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV                        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------|-----------|----|-----------------|----------|-------------------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế vĩ mô |           | 3  | 24D1ECO50100239 | 105      | (GDQP1)_<br>FN0001,FN<br>0002 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-308 | 20/02/24 - 16/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 25.2 VB2CQ****[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phương pháp định lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |           | 3  | 24D1BAN50609101 | 60       | NH001  | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-302 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 26.1 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định Thuế |           | 3  | 24D2TAX50401601 | 50       | FN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phân tích tín dụng và quản trị cho vay |           | 3  | 24D4BAN50600701 | 40       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.3 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Ngân hàng quốc tế |           | 3  | 24D4BAN50600801 | 30       | NH01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Ngân hàng đầu tư  |           | 3  | 24D4BAN50601401 | 30       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 25.2 VB2CQ****[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG HOẠCH ĐỊNH NGUỒN LỰC DOANH NGHIỆP KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |           | 3  | 24D1BUS50317601 | 45       | ER001  | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-201 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Phân tích thiết kế hệ thống |           | 3  | 24D1INF50901002 | 31       | EE001.1 | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-102 | 12/03/24 - 14/05/24 |         |
| Thương mại điện tử          |           | 3  | 24D1INF50901305 | 31       | EE001.1 | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-511 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|                             |           |    |                 |          |         | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-102 | 20/01/24            |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 26.1 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 3) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 26.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược marketing cho nhà quản trị |           | 3  | 24D2MAN50212501 | 50       | AD01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Hành vi tổ chức                       |           | 3  | 24D2MAN50200602 | 50       | AD01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị chất lượng                   |           | 3  | 24D2MAN50200702 | 50       | AD01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Tài chính cho nhà Quản trị            |           | 3  | 24D2MAN50211301 | 50       | AD01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp   |           | 3  | 24D2MAN50212402 | 50       | AD01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 26.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hình thái - Cú pháp học       |           | 2  | 24D2ENG51303902 | 50       | AV01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
| Kỹ năng Nghe TATM 6           |           | 2  | 24D2LIS51301402 | 50       | AV01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 05/01/24 - 08/03/24 |         |
| Kỹ năng Nói TATM 6            |           | 2  | 24D2SPE51302002 | 50       | AV01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |
| Kỹ năng Viết học thuật        |           | 3  | 24D2WRI51307102 | 50       | AV01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 18/03/24 - 24/06/24 |         |
| Kỹ năng Đọc TATM 6            |           | 2  | 24D2REA51302602 | 50       | AV01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 15/03/24 - 03/05/24 |         |
| Tin học trong kinh doanh (EN) | EN        | 2  | 24D2INF50907101 | 50       | AV01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 13/03/24 - 08/05/24 |         |
| Văn hóa Anh - Mỹ              |           | 3  | 24D2ENG51306801 | 50       | AV01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 10/05/24 - 19/07/24 |         |
|                               |           |    |                 |          |        | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 01/07/24 - 15/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Từ vựng học  |           | 2  | 24D2ENG51304002 | 50       | HPTC.2.A<br>V01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-806 | 15/05/24 - 17/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 26.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định Thuế                                      |           | 3  | 24D2TAX50401601 | 50       | FN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Kinh tế lượng tài chính                              |           | 3  | 24D2FIN50500402 | 50       | FN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kinh tế lượng tài chính nâng cao                     |           | 3  | 24D2FIN50501002 | 50       | FN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Đầu tư tài chính                                     |           | 3  | 24D2FIN50509502 | 50       | FN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Điều hành công ty cổ phần và đạo đức trong tài chính |           | 3  | 24D2FIN50508602 | 50       | FN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật doanh nghiệp |           | 3  | 24D2LAW51103702 | 50       | HPTC.1.FN<br>01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 26.1 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á   |           | 3  | 24D2BUS50318102 | 50       | IB01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 15/04/24 - 22/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Marketing căn bản               |           | 3  | 24D2MAR50300101 | 50       | IB01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 03/01/24 - 03/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Mô phỏng kinh doanh             |           | 3  | 24D2BUS50313002 | 50       | IB01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 05/01/24 - 05/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Phân tích kinh doanh            |           | 3  | 24D2BUS50318002 | 50       | IB01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 08/01/24 - 08/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế |           | 3  | 24D2BUS50318202 | 50       | IB01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 10/04/24 - 17/07/24 | <b>HỦY</b> |

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.1 VB2CQ + CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV     | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Logistics quốc tế |           | 3  | 24D2BUS50310701 | 60       | IB01, FT01 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-410 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 25.2 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng |           | 3  | 24D2BUS50318301 | 60       | IB01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Phân tích kinh doanh                    |           | 3  | 24D2BUS50318001 | 60       | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế         |           | 3  | 24D2BUS50318201 | 60       | IB01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

[Học phần học chung với KHÓA 27.1 VB2CQ] Sinh viên theo dõi thông báo trong tháng 12/2023 hoặc tháng 01/2024, đăng ký bổ sung trên website phòng Đào tạo: <https://daotao.ueh.edu.vn/>

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|--------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
| Marketing căn bản |           | 3  |        |          |        |     |    |         |    |               |         |

### CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 26.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin kế toán  |           | 3  | 24D2ACC50701402 | 60       | KN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-801 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Kế toán công                |           | 3  | 24D2ACC50706501 | 60       | KN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-801 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Kế toán quản trị 2          |           | 3  | 24D2ACC50706402 | 60       | KN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-801 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kiểm toán căn bản           |           | 3  | 24D2ACC50702501 | 60       | KN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-801 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Phân tích báo cáo tài chính |           | 3  | 24D2ACC50702002 | 60       | KN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-801 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 26.1 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật dân sự 2        |           | 3  | 24D2LAW51100601 | 60       | LK01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Luật hành chính      |           | 3  | 24D2LAW51100701 | 60       | LK01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Luật học so sánh     |           | 2  | 24D2LAW51106401 | 60       | LK01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 10/05/24 - 12/07/24 |         |
| Luật tố tụng hình sự |           | 2  | 24D2LAW51101902 | 60       | LK01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 15/03/24 - 03/05/24 |         |
| Luật đất đai         |           | 2  | 24D2LAW51101502 | 60       | LK01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 05/01/24 - 08/03/24 |         |
| Tư pháp quốc tế      |           | 3  | 24D2LAW51101702 | 60       | LK01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị học |           | 3  | 24D2MAN50200102 | 60       | HPTC.1.LK<br>01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-405 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 26.2 HỆ VB2CQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 26.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược marketing cho nhà quản trị |           | 3  | 24D2MAN50212502 | 60       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Hành vi tổ chức                       |           | 3  | 24D2MAN50200603 | 60       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực               |           | 3  | 24D2MAN50200401 | 60       | AD01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị điều hành                    |           | 3  | 24D2MAN50200301 | 60       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tài chính cho nhà Quản trị            |           | 3  | 24D2MAN50211302 | 60       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 26.2 VB2CQ**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng Nghe TATM 5                 |           | 2  | 24D2LIS51301301 | 50       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
| Kỹ năng Nói TATM 5                  |           | 2  | 24D2SPE51301901 | 50       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
| Kỹ năng Viết TATM 5                 |           | 2  | 24D2WRI51303101 | 50       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 14/03/24 - 09/05/24 |         |
| Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh |           | 2  | 24D2ENG51303302 | 50       | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 23/03/24 - 11/05/24 |         |
| Kỹ năng Đọc TATM 5                  |           | 2  | 24D2REA51302501 | 50       | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 12/03/24 - 07/05/24 |         |

|                    |    |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|--------------------|----|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Ngữ Âm - Âm vị học |    | 2 | 24D2ENG51303801 | 50 | AV01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 14/05/24 - 16/07/24 |  |
| Quản trị học (EN)  | EN | 2 | 24D2MAN50200202 | 50 | AV01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 06/01/24 - 16/03/24 |  |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dẫn luận Ngôn ngữ học |           | 2  | 24D2ENG51303501 | 50       | HPTC.1.A<br>V01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-706 | 16/05/24 - 18/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 26.2 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định Thuế                 |           | 3  | 24D2TAX50401602 | 90       | FN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Lý thuyết tài chính             |           | 3  | 24D2FIN50507201 | 90       | FN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tài chính doanh nghiệp nâng cao |           | 3  | 24D2FIN50500301 | 90       | FN01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Tài chính quốc tế               |           | 3  | 24D2FIN50508501 | 90       | FN01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật doanh nghiệp |           | 3  | 24D2LAW51103703 | 90       | HPTC.1.FN<br>01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 26.2 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP | SL | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GĐ | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
|--------------|-----------|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|

|                             | EN |   |                 | DK |      |   |   |               |        |                     |  |
|-----------------------------|----|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Kế toán công                |    | 3 | 24D2ACC50706502 | 80 | KN01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |
| Kế toán quản trị 1          |    | 3 | 24D2ACC50706301 | 80 | KN01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 04/01/24 - 04/04/24 |  |
| Kế toán tài chính căn bản 2 |    | 3 | 24D2ACC50711401 | 80 | KN01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 02/01/24 - 02/04/24 |  |
| Kiểm toán căn bản           |    | 3 | 24D2ACC50702502 | 80 | KN01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 11/04/24 - 18/07/24 |  |
| Phân tích báo cáo tài chính |    | 3 | 24D2ACC50702003 | 80 | KN01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 20/04/24 - 20/07/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH KHÓA 26.2 VB2CQ

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công pháp quốc tế |           | 2  | 24D2LAW51106001 | 80       | LK01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 11/04/24 - 20/06/24 |         |
| Luật dân sự 2     |           | 3  | 24D2LAW51100602 | 80       | LK01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật hành chính   |           | 3  | 24D2LAW51100702 | 80       | LK01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 12/03/24 - 18/06/24 |         |
| Luật hiến pháp    |           | 2  | 24D2LAW51106101 | 80       | LK01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
| Luật học so sánh  |           | 2  | 24D2LAW51106402 | 80       | LK01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |
| Luật lao động     |           | 3  | 24D2LAW51111402 | 80       | LK01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 26.2 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 6) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ            | ĐỊA CHỈ                           | GHI CHÚ |
|-------------|------------------|-----------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A          | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3 |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1 | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2 | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD C...     | Cơ sở C          | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10    |         |
| GD E...     | Cơ sở E          | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1  |         |

|          |                             |   |  |
|----------|-----------------------------|---|--|
| GĐ H...  | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |  |
| GĐ V...  | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |  |
| GĐ N1... | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |
| GĐ N2... | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 26.2 LTCQ**

[Học phần học chung với **NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ**]

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thanh toán điện tử |           | 3  | 24D2INF50903001 | 40       | HPTC.2.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật thương mại điện tử     |           | 3  | 24D2LAW51103901 | 40       | HPTC.3.EE<br>01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 27.1 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 4) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ            | ĐỊA CHỈ                           | GHI CHÚ |
|-------------|------------------|-----------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A          | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3 |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1 | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2 | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |

|          |                             |   |  |
|----------|-----------------------------|---|--|
| GĐ C...  | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |  |
| GĐ E...  | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |  |
| GĐ H...  | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |  |
| GĐ V...  | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |  |
| GĐ N1... | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |
| GĐ N2... | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 27.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Lập kế hoạch kinh doanh |           | 3  | 24D4MAN50201701 | 80       | AD01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị sự thay đổi    |           | 2  | 24D4MAN50213301 | 80       | AD01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
| Lập kế hoạch kinh doanh |           | 3  | 24D4MAN50201702 | 80       | AD03,04 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Quản trị sự thay đổi    |           | 2  | 24D4MAN50213302 | 80       | AD03,04 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
| Lập kế hoạch kinh doanh |           | 3  | 24D4MAN50201703 | 50       | AD05    | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Quản trị sự thay đổi    |           | 2  | 24D4MAN50213303 | 50       | AD05    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn nhóm Quản trị gia, chọn 3 trong 5 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GĐ | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|--------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
|--------------|-----------|----|--------|----------|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|

|                                  |  |   |                 |    |                      |   |   |               |        |                     |            |
|----------------------------------|--|---|-----------------|----|----------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|------------|
| Giao tiếp kinh doanh             |  | 3 | 24D4BUS50304401 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 12/03/24 - 18/06/24 |            |
| Tư duy thiết kế trong kinh doanh |  | 3 | 24D4MAN50211401 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD01,02 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Văn hóa tổ chức                  |  | 3 | 24D4MAN50212601 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD01,02 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Đàm phán trong quản trị          |  | 3 | 24D4MAN50202401 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD01,02 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-502 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Giao tiếp kinh doanh             |  | 3 | 24D4BUS50304402 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD03,04 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 14/03/24 - 20/06/24 |            |
| Tư duy thiết kế trong kinh doanh |  | 3 | 24D4MAN50211402 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD03,04 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Đạo đức kinh doanh               |  | 3 | 24D4MAN50202101 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD03,04 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 20/04/24 - 20/07/24 |            |
| Đàm phán trong quản trị          |  | 3 | 24D4MAN50202402 | 80 | HPTC.QTG<br>.AD03,04 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-503 | 09/04/24 - 16/07/24 |            |
| Giao tiếp kinh doanh             |  | 3 | 24D4BUS50304403 | 50 | HPTC.QTG<br>.AD05    | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Tư duy thiết kế trong kinh doanh |  | 3 | 24D4MAN50211403 | 50 | HPTC.QTG<br>.AD05    | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Văn hóa tổ chức                  |  | 3 | 24D4MAN50212602 | 50 | HPTC.QTG<br>.AD05    | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Đàm phán trong quản trị          |  | 3 | 24D4MAN50202403 | 50 | HPTC.QTG<br>.AD05    | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-509 | 04/01/24 - 04/04/24 | <b>HỦY</b> |

### CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 27.1 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN                      | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Biên dịch thương mại              |       | 3  | 24D4ENG51305001 | 50    | AV01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-203 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa |       | 3  | 24D4ENG51306901 | 50    | AV01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-203 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị   |       | 3  | 24D4ENG51304201 | 50    | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-203 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Biên dịch thương mại              |       | 3  | 24D4ENG51305002 | 50    | AV02   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Giao tiếp kinh doanh liên văn hóa |       | 3  | 24D4ENG51306902 | 50    | AV02   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị   |       | 3  | 24D4ENG51304202 | 50    | AV02   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                                   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếng Anh chuyên ngành<br>Du lịch và Khách sạn |           | 3  | 24D4ENG51304801 | 50       | HPTC.3.A<br>V01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-203 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Tiếng Anh chuyên ngành<br>Du lịch và Khách sạn |           | 3  | 24D4ENG51304802 | 50       | HPTC.3.A<br>V02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-203 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 27.1 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN                                      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Sắp nhập, mua lại và tái<br>cấu trúc doanh nghiệp |           | 3  | 24D4FIN50509001 | 50       | FN01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-204 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV    | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ tài chính |           | 3  | 24D4FIN50508901 | 50       | HPTC.2.FN | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-204 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

|                       |  |   |                 |    |                 |   |   |               |        |                     |  |
|-----------------------|--|---|-----------------|----|-----------------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
|                       |  |   |                 |    | 01              |   |   |               |        |                     |  |
| Tài chính hành vi     |  | 3 | 24D4FIN50500701 | 50 | HPTC.2.FN<br>01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-204 | 20/04/24 - 20/07/24 |  |
| Định giá doanh nghiệp |  | 3 | 24D4FIN50500601 | 50 | HPTC.2.FN<br>01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-204 | 02/01/24 - 02/04/24 |  |

## CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.1 LTCQ

[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 trong 2 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing toàn cầu |           | 3  | 24D4MAR50318601 | 90       | HPTC.1.FT<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Quản trị marketing |           | 3  | 24D4MAR50301801 | 90       | HPTC.1.FT<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 09/04/24 - 16/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Marketing toàn cầu |           | 3  | 24D4MAR50318602 | 90       | HPTC.1.FT          | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |

|                    |  |   |                 |    |                    |   |   |               |        |                     |            |
|--------------------|--|---|-----------------|----|--------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|------------|
|                    |  |   |                 |    | 03,04              |   |   |               |        |                     |            |
| Quản trị marketing |  | 3 | 24D4MAR50301802 | 90 | HPTC.1.FT<br>03,04 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 11/04/24 - 18/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Marketing toàn cầu |  | 3 | 24D4MAR50318603 | 90 | HPTC.1.FT<br>05,06 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Quản trị marketing |  | 3 | 24D4MAR50301803 | 90 | HPTC.1.FT<br>05,06 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 trong 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Quản trị dịch vụ    |           | 3  | 24D4COM50304101 | 90       | HPTC.2.FT<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |
| Vận tải và bảo hiểm |           | 3  | 24D4BUS50312301 | 90       | HPTC.2.FT<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Quản trị dịch vụ    |           | 3  | 24D4COM50304102 | 90       | HPTC.2.FT<br>03,04 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Vận tải và bảo hiểm |           | 3  | 24D4BUS50312302 | 90       | HPTC.2.FT<br>03,04 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Quản trị dịch vụ    |           | 3  | 24D4COM50304103 | 90       | HPTC.2.FT<br>05,06 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Vận tải và bảo hiểm |           | 3  | 24D4BUS50312303 | 90       | HPTC.2.FT<br>05,06 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 09/04/24 - 16/07/24 | <b>HỦY</b> |

**CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.1 LTCQ (tiếp theo)**

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 trong 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Mua hàng và cung ứng toàn cầu |           | 3  | 24D4BUS50312201 | 90       | HPTC.3.FT<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Quản trị bán hàng             |           | 3  | 24D4COM50318802 | 90       | HPTC.3.FT          | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-307 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |

|                               |  |   |                 |    |                    |   |   |               |        |                     |            |
|-------------------------------|--|---|-----------------|----|--------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|------------|
|                               |  |   |                 |    | 01,02              |   |   |               |        |                     |            |
| Mua hàng và cung ứng toàn cầu |  | 3 | 24D4BUS50312202 | 90 | HPTC.3.FT<br>03,04 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Quản trị bán hàng             |  | 3 | 24D4COM50318803 | 90 | HPTC.3.FT<br>03,04 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-310 | 09/04/24 - 16/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Mua hàng và cung ứng toàn cầu |  | 3 | 24D4BUS50312203 | 90 | HPTC.3.FT<br>05,06 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |
| Quản trị bán hàng             |  | 3 | 24D4COM50318804 | 90 | HPTC.3.FT<br>05,06 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-311 | 11/04/24 - 18/07/24 | <b>HỦY</b> |

## NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 27.1 LTCQ

[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 trong 2 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing kỹ thuật số (IB,FT) |           | 3  | 24D4MAR50316301 | 90       | HPTC.1.IB<br>01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |

|                   |  |   |                 |    |                    |   |   |               |        |                     |  |
|-------------------|--|---|-----------------|----|--------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Marketing quốc tế |  | 3 | 24D4MAR50301901 | 90 | HPTC.1.IB<br>01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 02/01/24 - 02/04/24 |  |
| Marketing quốc tế |  | 3 | 24D4MAR50301902 | 50 | HPTC.1.IB<br>03    | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 04/01/24 - 04/04/24 |  |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 trong 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hành vi tổ chức trong kinh doanh |           | 3  | 24D4BUS50318401 | 90       | HPTC.2.IB<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Quản trị đa văn hóa              |           | 3  | 24D4BUS50304501 | 90       | HPTC.2.IB<br>01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị đa văn hóa              |           | 3  | 24D4BUS50304502 | 50       | HPTC.2.IB<br>03    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 trong 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nghiên cứu marketing          |           | 3  | 24D4MAR50301701 | 90       | HPTC.3.IB<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Thương mại trong kỹ nguyên số |           | 3  | 24D4BUS50318501 | 90       | HPTC.3.IB<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Nghiên cứu marketing          |           | 3  | 24D4MAR50301702 | 50       | HPTC.3.IB<br>03    | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-206 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 27.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                                   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT |           | 3  | 24D4ACC50712301 | 80       | KN01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Tổ chức công tác kế toán                       |           | 3  | 24D4ACC50712302 | 80       | KN03,04 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

|  |  |   |                 |    |         |   |   |               |        |                     |  |
|--|--|---|-----------------|----|---------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| trong môi trường CNTT                          |  |   |                 |    |         |   |   |               |        |                     |  |
| Tổ chức công tác kế toán trong môi trường CNTT |  | 3 | 24D4ACC50712303 | 80 | KN05,06 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |

[Học phần tự chọn: Chọn 3 trong 4 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV        | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|--|-------|----|-----------------|-------|---------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo |       | 3  | 24D4ACC50712401 | 80    | HPTC.KN0 1,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Kiểm soát nội bộ                       |       | 3  | 24D4ACC50707701 | 80    | HPTC.KN0 1,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 09/04/24 - 16/07/24 |            |
| Quản trị rủi ro tài chính              |       | 3  | 24D4FIN50501601 | 80    | HPTC.KN0 1,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |
| Thanh toán quốc tế                     |       | 3  | 24D4BAN50600901 | 80    | HPTC.KN0 1,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo |       | 3  | 24D4ACC50712402 | 80    | HPTC.KN0 3,04 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 20/04/24 - 20/07/24 |            |
| Kiểm soát nội bộ                       |       | 3  | 24D4ACC50707702 | 80    | HPTC.KN0 3,04 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Quản trị rủi ro tài chính              |       | 3  | 24D4FIN50501602 | 80    | HPTC.KN0 3,04 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 06/01/24 - 13/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Thanh toán quốc tế                     |       | 3  | 24D4BAN50600902 | 80    | HPTC.KN0 3,04 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo |       | 3  | 24D4ACC50712403 | 80    | HPTC.KN0 5,06 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 09/04/24 - 16/07/24 |            |
| Kiểm soát nội bộ                       |       | 3  | 24D4ACC50707703 | 80    | HPTC.KN0 5,06 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 20/04/24 - 20/07/24 |            |
| Quản trị rủi ro tài chính              |       | 3  | 24D4FIN50501603 | 80    | HPTC.KN0 5,06 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 02/01/24 - 02/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Thanh toán quốc tế                     |       | 3  | 24D4BAN50600903 | 80    | HPTC.KN0 5,06 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |

### NGÀNH MARKETING KHÓA 27.1 LTCQ

[Học phần tự chọn nhóm 1: Chọn 1 trong 3 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN           | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|------------------------|-------|----|-----------------|-------|----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Quản trị quan hệ khách |       | 3  | 24D4COM50302401 | 90    | HPTC.1.M | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 09/04/24 - 16/07/24 | <b>HỦY</b> |

|                           |  |   |                 |    |                    |   |   |               |        |                     |            |
|---------------------------|--|---|-----------------|----|--------------------|---|---|---------------|--------|---------------------|------------|
| hàng (CRM)                |  |   |                 |    | R01,02             |   |   |               |        |                     |            |
| Quản trị đổi mới sáng tạo |  | 3 | 24D4BUS50319601 | 90 | HPTC.1.M<br>R01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Quản trị bán hàng         |  | 3 | 24D4COM50318801 | 50 | HPTC.1.M<br>R03    | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 11/04/24 - 18/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Quản trị đổi mới sáng tạo |  | 3 | 24D4BUS50319602 | 50 | HPTC.1.M<br>R03    | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 1 trong 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing dịch vụ  |           | 3  | 24D4MAR50303101 | 90       | HPTC.2.M<br>R01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 04/01/24 - 04/04/24 |            |
| Quảng cáo          |           | 3  | 24D4MAR50303701 | 90       | HPTC.2.M<br>R01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 11/04/24 - 18/07/24 |            |
| Marketing dịch vụ  |           | 3  | 24D4MAR50303102 | 50       | HPTC.2.M<br>R03    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 06/01/24 - 13/04/24 | <b>HỦY</b> |
| Quan hệ công chúng |           | 3  | 24D4MAR50303801 | 50       | HPTC.2.M<br>R03    | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 trong 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ    |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|------------|
| Marketing trong kinh doanh          |           | 3  | 24D4MAR50303001 | 90       | HPTC.3.M<br>R01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 20/04/24 - 20/07/24 | <b>HỦY</b> |
| Marketing xã hội                    |           | 3  | 24D4MAR50320401 | 90       | HPTC.3.M<br>R01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-308 | 06/01/24 - 13/04/24 |            |
| Marketing xã hội                    |           | 3  | 24D4MAR50320402 | 50       | HPTC.3.M<br>R03    | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 02/01/24 - 02/04/24 |            |
| Quản trị và phát triển sản phẩm mới |           | 3  | 24D4MAR50303501 | 50       | HPTC.3.M<br>R03    | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-306 | 09/04/24 - 16/07/24 |            |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật ngân hàng |           | 2  | 24D4BAN50608501 | 50       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 20/04/24 - 22/06/24 |         |

|                    |  |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|--------------------|--|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Thanh toán quốc tế |  | 3 | 24D4BAN50600904 | 50 | NH01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 11/04/24 - 18/07/24 |  |
|--------------------|--|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|

**[Học phần tự chọn nhóm 2: Chọn 2 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định tài chính cá nhân          |           | 3  | 24D4BAN50601301 | 50       | HPTC.2.N<br>H01 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Hoạt động bảo hiểm qua kênh ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50608901 | 50       | HPTC.2.N<br>H01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**[Học phần tự chọn nhóm 3: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50601801 | 50       | HPTC.3.N<br>H01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-205 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.1 LTCQ**

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 25.1 VB2CQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại |           | 3  | 24D2CUS50403401 | 30       | HQ01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Di trú quốc tế: chính sách và luật pháp |           | 2  | 24D2CUS50406001 | 30       | HQ01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |
| Nguyên lý kiểm hóa                      |           | 3  | 24D2CUS50403301 | 30       | HQ01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 18/03/24 - 24/06/24 |         |
| Nhập môn định giá hải quan              |           | 3  | 24D2CUS50403601 | 30       | HQ01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quy định vận tải hàng hải và hàng không |           | 3  | 24D2CUS50406101 | 30       | HPTC.3.H<br>Q01 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-407 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 27.1 LTCQ**

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC                                    | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|--|--------|---------------------|---------|
| Kiến tập_LH                   |           | 5  | 24D1TOU51510401 | 69       | LH001  |     |    | <b>Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch</b> |        |                     |         |
| Quản trị bán sản phẩm lữ hành |           | 3  | 24D1TOU51501801 | 69       | LH001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05                              | N2-104 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |
| Quản trị vận hành tour        |           | 3  | 24D1TOU51501601 | 69       | LH001  | 5   | 5  | 07g45 - 12g05                              | N2-104 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 1: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Tiếp thị lữ hành |           | 3  | 24D1TOU51509501 | 69       | HPTC.I.LH<br>.1 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-602 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 2: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Ứng dụng điện toán trong du lịch |           | 3  | 24D1TOU51501202 | 69       | HPTC.II.L<br>H.1 | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-602 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 3: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV              | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Du lịch có trách nhiệm |           | 3  | 24D1TOU51510101 | 69       | HPTC.III.L<br>H.2bs | 4   | 5  | 07g45 - 12g05 | N2-105 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 27.1 LTCQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                               | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử |           | 3  | 24D1INF50902801 | 60       | EE001  | 7   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-507 | 06/01/24 - 16/03/24 |         |
|  |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507 | 09/01/24            |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ]**

**[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thanh toán điện tử   |           | 3  | 24D2INF50903001 | 40       | HPTC.2.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật thương mại điện tử       |           | 3  | 24D2LAW51103901 | 40       | HPTC.3.EE<br>01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |           | 3  | 24D2INF50908501 | 40       | HPTC.4.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 27.1 LTCQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Công nghệ và đổi mới |           | 3  | 24D1INF50904102 | 45       | SE001  | 3   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-301 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|                      |           |    |                 |          |        | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-306 | 20/01/24            |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 1: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kiến trúc phần mềm hướng dịch vụ |           | 3  | 24D1INF50902201 | 48       | HPTC.I.SE.<br>2 | 4   | 5  | 12g45 - 17g05 | N1-301 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                 | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-306 | 08/01/24            |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ]**

**[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |           | 3  | 24D2INF50908501 | 40       | HPTC.4.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN 27.1 LTCQ****[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ  | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|--|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược kinh doanh<br>hiệu khách |           | 3  | 24D1TOU51507102 | 60       | KS002  | 4  | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-201 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |
| Kiến tập_KS                         |           | 5  | 24D1TOU51508102 | 60       | KS002  | <b>Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch</b> |    |               |        |                     |         |
| Quản trị tiền sảnh                  |           | 3  | 24D1HOT51502903 | 60       | KS002  | 4  | 5  | 07g45 - 12g05 | N2-202 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 1: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hành vi khách hàng<br>ngành khách sạn |           | 3  | 24D1HOT51503701 | 60       | HPTC.I.KS.<br>1 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 27.2 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 3) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtkt.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh trong bối cảnh kỹ thuật số |           | 3  | 24D4MAN50215501 | 90       | AD01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Lãnh đạo                              |           | 3  | 24D4MAN50201801 | 90       | AD01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Phát triển kỹ năng quản trị           |           | 3  | 24D4MAN50201901 | 90       | AD01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Quản trị rủi ro doanh nghiệp          |           | 3  | 24D4MAN50201301 | 90       | AD01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Triển khai chiến lược                 |           | 3  | 24D4MAN50201601 | 90       | AD01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-207 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kinh doanh trong bối cảnh kỹ thuật số |           | 3  | 24D4MAN50215502 | 90       | AD03,04 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Lãnh đạo                              |           | 3  | 24D4MAN50201802 | 90       | AD03,04 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Phát triển kỹ năng quản trị           |           | 3  | 24D4MAN50201902 | 90       | AD03,04 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Quản trị rủi ro doanh nghiệp          |           | 3  | 24D4MAN50201302 | 90       | AD03,04 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Triển khai chiến lược                 |           | 3  | 24D4MAN50201602 | 90       | AD03,04 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-208 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hình thái - Cú pháp học |           | 2  | 24D4ENG51303901 | 50       | AV01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |
| Kỹ năng Nghe TATM 6     |           | 2  | 24D4LIS51301401 | 50       | AV01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
| Kỹ năng Nói TATM 6      |           | 2  | 24D4SPE51302001 | 50       | AV01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 05/01/24 - 08/03/24 |         |
| Kỹ năng Viết học thuật  |           | 3  | 24D4WRI51307101 | 50       | AV01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 15/03/24 - 31/05/24 |         |
| Kỹ năng Đọc TATM 6      |           | 2  | 24D4REA51302601 | 50       | AV01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 13/03/24 - 08/05/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Từ vựng học  |           | 2  | 24D4ENG51304001 | 50       | HPTC.1.A<br>V01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-704 | 18/03/24 - 13/05/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 27.2 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hoạch định ngân sách<br>vốn đầu tư                         |           | 3  | 24D4FIN50500801 | 50       | FN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Tài chính công ty đa quốc<br>gia                           |           | 3  | 24D4FIN50501401 | 50       | FN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Tài chính định lượng                                       |           | 3  | 24D4FIN50503801 | 50       | FN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Điều hành công ty cổ<br>phần và đạo đức trong tài<br>chính |           | 3  | 24D4FIN50508601 | 50       | FN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |

### CHUYÊN NGÀNH NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.2 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN                              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dự án kinh doanh quốc tế                  |           | 3  | 24D4BUS50301303 | 60       | FT01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Kinh doanh Quốc Tế tại<br>Châu Á          |           | 3  | 24D4BUS50318101 | 60       | FT01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Logistics quốc tế                         |           | 3  | 24D4BUS50310703 | 60       | FT01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty<br>đa quốc gia |           | 3  | 24D4BUS50301103 | 60       | FT01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Thương mại quốc tế                        |           | 3  | 24D4COM50302203 | 60       | FT01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-701 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Dự án kinh doanh quốc tế                  |           | 3  | 24D4BUS50301304 | 60       | FT02   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Kinh doanh Quốc Tế tại<br>Châu Á          |           | 3  | 24D4BUS50318102 | 60       | FT02   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Logistics quốc tế                         |           | 3  | 24D4BUS50310704 | 60       | FT02   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty<br>đa quốc gia |           | 3  | 24D4BUS50301104 | 60       | FT02   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Thương mại quốc tế                        |           | 3  | 24D4COM50302204 | 60       | FT02   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-703 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Dự án kinh doanh quốc tế               |           | 3  | 24D4BUS50301301 | 80       | IB01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Logistics quốc tế                      |           | 3  | 24D4BUS50310701 | 80       | IB01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế        |           | 3  | 24D4BUS50318201 | 80       | IB01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty đa quốc gia |           | 3  | 24D4BUS50301101 | 80       | IB01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Thương mại quốc tế                     |           | 3  | 24D4COM50302201 | 80       | IB01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-402 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Dự án kinh doanh quốc tế               |           | 3  | 24D4BUS50301302 | 50       | IB03    | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Logistics quốc tế                      |           | 3  | 24D4BUS50310702 | 50       | IB03    | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế        |           | 3  | 24D4BUS50318202 | 50       | IB03    | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty đa quốc gia |           | 3  | 24D4BUS50301102 | 50       | IB03    | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Thương mại quốc tế                     |           | 3  | 24D4COM50302202 | 50       | IB03    | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-403 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                             | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| An toàn thông tin kế toán                |           | 3  | 24D4ACC50707901 | 80       | KN01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Kế toán quốc tế 2                        |           | 3  | 24D4ACC50703101 | 80       | KN01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kế toán tài chính nâng cao 2             |           | 3  | 24D4ACC50712201 | 80       | KN01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Kiểm toán báo cáo tài chính              |           | 3  | 24D4ACC50712701 | 80       | KN01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS |           | 3  | 24D4ACC50704601 | 80       | KN01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-402 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| An toàn thông tin kế toán                |           | 3  | 24D4ACC50707902 | 80       | KN03,04 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Kế toán quốc tế 2                        |           | 3  | 24D4ACC50703102 | 80       | KN03,04 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Kế toán tài chính nâng cao 2             |           | 3  | 24D4ACC50712202 | 80       | KN03,04 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Kiểm toán báo cáo tài chính              |           | 3  | 24D4ACC50712702 | 80       | KN03,04 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS |           | 3  | 24D4ACC50704602 | 80       | KN03,04 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-403 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| An toàn thông tin kế toán                |           | 3  | 24D4ACC50707903 | 50       | KN05    | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Kế toán quốc tế 2                        |           | 3  | 24D4ACC50703103 | 50       | KN05    | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Kế toán tài chính nâng cao 2             |           | 3  | 24D4ACC50712203 | 50       | KN05    | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kiểm toán báo cáo tài chính              |           | 3  | 24D4ACC50712703 | 50       | KN05    | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Lập báo cáo tài chính hợp nhất theo IFRS |           | 3  | 24D4ACC50704603 | 50       | KN05    | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-409 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

**NGÀNH MARKETING KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing quốc tế                |           | 3  | 24D4MAR50301903 | 90       | MR01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Mô phỏng kinh doanh              |           | 3  | 24D4BUS50313001 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |           | 3  | 24D4BUS50317901 | 90       | MR01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Truyền thông Marketing tích hợp  |           | 3  | 24D4MAR50319501 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Tư duy sáng tạo trong marketing  |           | 3  | 24D4MAR50319401 | 90       | MR01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 27.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |           | 3  | 24D4BAN50609401 | 50       | NH01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kế toán ngân hàng  |           | 3  | 24D4BAN50601201 | 50       | NH01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Kinh doanh ngoại hối   |           | 3  | 24D4BAN50603201 | 50       | NH01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Luật ngân hàng   |           | 2  | 24D4BAN50608502 | 50       | NH01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 05/01/24 - 08/03/24 |         |
| Quản trị ngân hàng   |           | 3  | 24D4BAN50601101 | 50       | NH01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 15/03/24 - 31/05/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 27.2 LTCQ****[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 48]**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật thương mại quốc tế      |           | 3  | 24D1LAW51106501 | 60       | HQ001  | 6   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-207 | 05/01/24 - 15/03/24 |         |
| Nhập môn phân loại thuế quan |           | 3  | 24D1CUS50403101 | 60       | HQ001  | 2   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-404 | 18/03/24 - 13/05/24 |         |
|                              |           |    |                 |          |        | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-510 | 17/04/24            |         |

**[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ HẢI QUAN – NGOẠI THƯƠNG KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chính sách quản lý và hỗ trợ thương mại |           | 3  | 24D1CUS50403401 | 63       | HQ001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-105 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-104 | 09/01/24            |         |
| Di trú quốc tế: chính sách và luật pháp |           | 2  | 24D1CUS50406001 | 60       | HQ001  | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-105 | 14/03/24 - 25/04/24 |         |
| Nguyên lý kiểm hóa                      |           | 3  | 24D1CUS50403301 | 63       | HQ001  | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-105 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |
| Nhập môn định giá hải quan              |           | 3  | 24D1CUS50403601 | 63       | HQ001  | 5   | 5  | 07g45 - 12g05 | N2-105 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |
|   |           |    |                 |          |        | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-104 | 16/01/24            |         |

**HP TỰ CHỌN (Chọn 1 học phần)**

| TÊN HỌC PHẦN              | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV   | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------|-----------|----|-----------------|----------|----------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quy định vận tải hàng hải |           | 3  | 24D1CUS50406101 | 63       | HPTC.LHQ | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-402 | 23/03/24 - 18/05/24 |         |

|               |  |  |  |  |    |  |  |  |  |  |  |
|---------------|--|--|--|--|----|--|--|--|--|--|--|
| và hàng không |  |  |  |  | .1 |  |  |  |  |  |  |
|---------------|--|--|--|--|----|--|--|--|--|--|--|

**NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 27.2 LTCQ**

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 47]**

| TÊN HỌC PHẦN                               | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Bảo mật thông tin trong thương mại điện tử |           | 3  | 24D1INF50902803 | 60       | EE003  | 3   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-507 | 02/01/24 - 05/03/24 |         |
|  |           |    |                 |          |        | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-507 | 07/03/24            |         |

**HP TỰ CHỌN: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |           | 3  | 24D1BUS50317604 | 60       | HPTC.I.EE.<br>3 | 7   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-201 | 06/01/24 - 16/03/24 |         |
|                                  |           |    |                 |          |                 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | N2-511 | 11/01/24            |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KHÓA 24.2 VB2CQ]**

**[Học phần tự chọn: Chọn 3 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN                | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-----------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thanh toán điện tử |           | 3  | 24D2INF50903001 | 40       | HPTC.2.EE<br>01 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Luật thương mại điện tử     |           | 3  | 24D2LAW51103901 | 40       | HPTC.3.EE       | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

|                               |  |   |                 |    |                 |   |   |               |        |                     |  |
|-------------------------------|--|---|-----------------|----|-----------------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
|                               |  |   |                 |    | 01              |   |   |               |        |                     |  |
| Hệ hỗ trợ quản trị thông minh |  | 3 | 24D2INF50908501 | 40 | HPTC.4.EE<br>01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 27.2 LTCQ

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DU THUYỀN KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN       | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị tiền sảnh |           | 3  | 24D1HOT51502901 | 50       | CR001  | 2   | 5  | 07g10 - 11g30 | N1-502 | 11/03/24 - 13/05/24 |         |

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN                        | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ  | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|--|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chiến lược kinh doanh<br>hiệu khách |           | 3  | 24D1TOU51507102 | 60       | KS002  | 4  | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-201 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |
| Kiến tập_KS                         |           | 5  | 24D1TOU51508101 | 60       | KS001  | <b>Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch</b> |    |               |        |                     |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 1: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hành vi khách hàng<br>ngành khách sạn |           | 3  | 24D1HOT51503701 | 60       | HPTC.I.KS.<br>1 | 5   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-410 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

**HP TỰ CHỌN NHÓM 2: Chọn 1 học phần**

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| An toàn và an ninh khách sạn |           | 3  | 24D1HOT51504001 | 60       | HPTC.II.K<br>S.1 | 5   | 5  | 12g45 - 17g05 | B2-410 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ SỰ KIỆN VÀ DỊCH VỤ GIẢI TRÍ KHÓA 47]

HP TỰ CHỌN NHÓM 2: Chọn 1 học phần

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV           | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị phương tiện |           | 3  | 24D1TOU51508001 | 50       | HPTC.II.S<br>K.2 | 4   | 5  | 07g10 - 11g30 | B2-407 | 13/03/24 - 15/05/24 |         |

CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 27.2 LTCQ

[Học phần học chung với CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH KHÓA 47]

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ  | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|--|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kiến tập_LH                   |           | 5  | 24D1TOU51510401 | 69       | LH001  | <b>Kiến tập theo lịch của Khoa Du lịch</b> |    |               |        |                     |         |
| Quản trị bán sản phẩm lữ hành |           | 3  | 24D1TOU51501801 | 69       | LH001  | 5  | 5  | 12g45 - 17g05 | N2-104 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |
| Quản trị vận hành tour        |           | 3  | 24D1TOU51501601 | 69       | LH001  | 5  | 5  | 07g45 - 12g05 | N2-104 | 14/03/24 - 16/05/24 |         |

## THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 28.1 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 3) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

### ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                 | ĐỊA CHỈ                           | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------|-----------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A               | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3 |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1      | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2      | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10  |         |
| GD C...     | Cơ sở C               | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10    |         |
| GD E...     | Cơ sở E               | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1  |         |
| GD H...     | Cơ sở H               | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận  |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST) | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3      |         |

|          |                             |   |  |
|----------|-----------------------------|---|--|
| GD N1... | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |
| GD N2... | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 28.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh trong bối cảnh kỹ thuật số |           | 3  | 24D4MAN50215503 | 80       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-407 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Lãnh đạo                              |           | 3  | 24D4MAN50201803 | 80       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-407 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Phát triển kỹ năng quản trị           |           | 3  | 24D4MAN50201903 | 80       | AD01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-407 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Quản trị chất lượng                   |           | 3  | 24D4MAN50200701 | 80       | AD01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-407 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp   |           | 3  | 24D4MAN50212401 | 80       | AD01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-407 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 28.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hình thái - Cú pháp học |           | 2  | 24D4ENG51303902 | 50       | AV01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 04/01/24 - 07/03/24 |         |

|                                  |    |   |                 |    |      |   |   |               |        |                     |  |
|----------------------------------|----|---|-----------------|----|------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Kỹ năng Nghe TATM 6              |    | 2 | 24D4LIS51301402 | 50 | AV01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 06/01/24 - 16/03/24 |  |
| Kỹ năng Nói TATM 6               |    | 2 | 24D4SPE51302002 | 50 | AV01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 02/01/24 - 05/03/24 |  |
| Kỹ năng Viết học thuật           |    | 3 | 24D4WRI51307102 | 50 | AV01 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 12/03/24 - 18/06/24 |  |
| Kỹ năng Đọc TATM 6               |    | 2 | 24D4REA51302602 | 50 | AV01 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 23/03/24 - 11/05/24 |  |
| Quản trị kinh doanh quốc tế (EN) | EN | 3 | 24D4BUS50305101 | 50 | AV01 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 14/03/24 - 20/06/24 |  |

**[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]**

| TÊN HỌC PHẦN | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Từ vựng học  |           | 2  | 24D4ENG51304002 | 50       | HPTC.1.A<br>V01 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-508 | 18/05/24 - 20/07/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 28.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                           | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á          |           | 3  | 24D4BUS50318103 | 90       | IB01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Mô phỏng kinh doanh                    |           | 3  | 24D4BUS50313002 | 90       | IB01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu       |           | 3  | 24D4BUS50317902 | 90       | IB01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Quản trị tài chính công ty đa quốc gia |           | 3  | 24D4BUS50301105 | 90       | IB01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Thương mại quốc tế                     |           | 3  | 24D4COM50302205 | 90       | IB01,02 | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 28.1 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN | VN/ | TC | MÃ LHP | SL | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC | GD | THỜI GIAN HỌC | GHI CHÚ |
|--------------|-----|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|
|--------------|-----|----|--------|----|--------|-----|----|---------|----|---------------|---------|

|                              | EN |   |                 | DK |         |   |   |               |        |                     |  |
|------------------------------|----|---|-----------------|----|---------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| An toàn thông tin kế toán    |    | 3 | 24D4ACC50707904 | 99 | KN01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 09/04/24 - 16/07/24 |  |
| Kế toán quốc tế 1            |    | 3 | 24D4ACC50703001 | 99 | KN01,02 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |
| Kế toán tài chính nâng cao 1 |    | 3 | 24D4ACC50712101 | 99 | KN01,02 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 04/01/24 - 04/04/24 |  |
| Kế toán tài chính nâng cao 2 |    | 3 | 24D4ACC50712204 | 99 | KN01,02 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 11/04/24 - 18/07/24 |  |
| Kiểm toán báo cáo tài chính  |    | 3 | 24D4ACC50712704 | 99 | KN01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-408 | 02/01/24 - 02/04/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.1 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN   | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |       | 3  | 24D4BAN50609402 | 40    | NH01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Kế toán ngân hàng  |       | 3  | 24D4BAN50601202 | 40    | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 11/04/24 - 18/07/24 |         |
| Kinh doanh ngoại hối   |       | 3  | 24D4BAN50603202 | 40    | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |
| Phân tích tín dụng và quản trị cho vay                           |       | 3  | 24D4BAN50600701 | 40    | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Quản trị ngân hàng   |       | 3  | 24D4BAN50601102 | 40    | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-507 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |

### NGÀNH MARKETING KHÓA 28.1 LTCQ

**[Học phần học chung với NGÀNH MARKETING KHÓA 27.2 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN                    | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Marketing quốc tế               |           | 3  | 24D4MAR50301903 | 90       | MR01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Mô phỏng kinh doanh             |           | 3  | 24D4BUS50313001 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Truyền thông Marketing tích hợp |           | 3  | 24D4MAR50319501 | 90       | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Tư duy sáng tạo trong marketing |           | 3  | 24D4MAR50319401 | 90       | MR01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-602 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

**[Học phần học chung với NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 27.1 LTCQ]**

| TÊN HỌC PHẦN         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV             | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Nghiên cứu marketing |           | 3  | 24D4MAR50301701 | 90       | HPTC.3.IB<br>01,02 | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-212 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |

**THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 28.2 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)**

|                  | THỜI GIAN                                      |
|------------------|--|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024                        |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024                        |
| Các ngày nghỉ    | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT      | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỔ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024**

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ   | ĐỊA CHỈ                           | GHI CHÚ |
|-------------|---------|-----------------------------------|---------|
| GD A...     | Cơ sở A | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3 |         |

|          |                             |   |  |
|----------|-----------------------------|---|--|
| GĐ B1... | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |  |
| GĐ B2... | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |  |
| GĐ C...  | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |  |
| GĐ E...  | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |  |
| GĐ H...  | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |  |
| GĐ V...  | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |  |
| GĐ N1... | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |
| GĐ N2... | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |  |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU**  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtkt.ueh.edu.vn>)

**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÓA 28.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                          | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GĐ     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hành vi tổ chức                       |           | 3  | 24D4MAN50200601 | 80       | AD01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kinh doanh trong bối cảnh kỹ thuật số |           | 3  | 24D4MAN50215504 | 80       | AD01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Quản trị chất lượng                   |           | 3  | 24D4MAN50200702 | 80       | AD01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị chiến lược                   |           | 3  | 24D4MAN50201101 | 80       | AD01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp   |           | 3  | 24D4MAN50212402 | 80       | AD01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-404 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI KHÓA 28.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|---|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kỹ năng Nghe TATM 5                     |           | 2  | 24D4LIS51301301 | 50       | AV01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 08/01/24 - 11/03/24 |         |
| Kỹ năng Nói TATM 5                      |           | 2  | 24D4SPE51301901 | 50       | AV01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 03/01/24 - 06/03/24 |         |
| Kỹ năng Viết TATM 5                     |           | 2  | 24D4WRI51303101 | 50       | AV01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 13/03/24 - 08/05/24 |         |
| Kỹ năng Đọc TATM 5                      |           | 2  | 24D4REA51302501 | 50       | AV01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 18/03/24 - 13/05/24 |         |
| Ngữ Âm - Âm vị học                      |           | 2  | 24D4ENG51303801 | 50       | AV01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 15/05/24 - 17/07/24 |         |
| Tiếng Anh trong các lĩnh vực kinh doanh |           | 3  | 24D4ENG51304301 | 50       | AV01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN                 | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Quản trị nguồn nhân lực - EN | EN        | 3  | 24D4MAN50211601 | 50       | HPTC.2.A<br>V01 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-808 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

**CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH KHÓA 28.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Kinh tế lượng tài chính nâng cao |           | 3  | 24D4FIN50501001 | 40       | FN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Phân tích tài chính              |           | 3  | 24D4FIN50509601 | 40       | FN01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị rủi ro tài chính        |           | 3  | 24D4FIN50501604 | 40       | FN01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |
| Tài chính doanh nghiệp nâng cao  |           | 3  | 24D4FIN50500301 | 40       | FN01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |

[Học phần tự chọn: Chọn 1 học phần]

| TÊN HỌC PHẦN      | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV          | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------|-----------|----|-----------------|----------|-----------------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Luật doanh nghiệp |           | 3  | 24D4LAW51103701 | 40       | HPTC.1.FN<br>01 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-708 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 28.2 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN                  | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin quản lý    |           | 3  | 24D4INF50900801 | 100      | IB01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á |           | 3  | 24D4BUS50318104 | 100      | IB01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu  |           | 3  | 24D4BUS50317801 | 100      | IB01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |

|                                  |  |   |                 |     |         |   |   |               |        |                     |  |
|----------------------------------|--|---|-----------------|-----|---------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |  | 3 | 24D4BUS50317903 | 100 | IB01,02 | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 15/04/24 - 22/07/24 |  |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế  |  | 3 | 24D4BUS50318203 | 100 | IB01,02 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-109 | 12/04/24 - 12/07/24 |  |
| Hệ thống thông tin quản lý       |  | 3 | 24D4INF50900802 | 50  | IB03    | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 12/04/24 - 12/07/24 |  |
| Kinh doanh Quốc Tế tại Châu Á    |  | 3 | 24D4BUS50318105 | 50  | IB03    | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 10/04/24 - 17/07/24 |  |
| Quản trị chiến lược toàn cầu     |  | 3 | 24D4BUS50317802 | 50  | IB03    | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 03/01/24 - 03/04/24 |  |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |  | 3 | 24D4BUS50317904 | 50  | IB03    | 2 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 08/01/24 - 08/04/24 |  |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế  |  | 3 | 24D4BUS50318204 | 50  | IB03    | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-202 | 05/01/24 - 05/04/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KHÓA 28.2 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN               | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------|-------|----|-----------------|-------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin kế toán |       | 3  | 24D4ACC50701401 | 100   | KN01,02 | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Kế toán quản trị 2         |       | 3  | 24D4ACC50706401 | 100   | KN01,02 | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Kế toán quốc tế 1          |       | 3  | 24D4ACC50703002 | 100   | KN01,02 | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 10/04/24 - 17/07/24 |         |

|                              |  |   |                 |     |         |   |   |               |        |                     |  |
|------------------------------|--|---|-----------------|-----|---------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| Kế toán tài chính nâng cao 1 |  | 3 | 24D4ACC50712102 | 100 | KN01,02 | 4 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 03/01/24 - 03/04/24 |  |
| Kiểm toán báo cáo tài chính  |  | 3 | 24D4ACC50712705 | 100 | KN01,02 | 6 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 12/04/24 - 12/07/24 |  |

### NGÀNH MARKETING KHÓA 28.2 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN                     | VN/EN | TC | MÃ LHP          | SL DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|----------------------------------|-------|----|-----------------|-------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin quản lý       |       | 3  | 24D4INF50900803 | 40    | MR01   | 4   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-807 | 03/01/24 - 03/04/24 |         |
| Marketing trong kỹ nguyên số     |       | 3  | 24D4MAR50319301 | 40    | MR01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-807 | 12/04/24 - 12/07/24 |         |
| Quản trị chiến lược toàn cầu     |       | 3  | 24D4BUS50317803 | 40    | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-807 | 08/01/24 - 08/04/24 |         |
| Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu |       | 3  | 24D4BUS50317905 | 40    | MR01   | 6   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-807 | 05/01/24 - 05/04/24 |         |
| Quản trị thương hiệu             |       | 3  | 24D4MAR50302901 | 40    | MR01   | 2   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-807 | 15/04/24 - 22/07/24 |         |

### THỜI KHÓA BIỂU KHÓA 28.3 HỆ LTCQ (HỌC KỲ 2) (CHÍNH THỨC)

|                  | THỜI GIAN               |
|------------------|-------------------------|
| Học lý thuyết    | 02/01/2024 – 21/07/2024 |
| Nghỉ Tết Âm lịch | 03/02/2024 – 18/02/2024 |

|               |  |
|---------------|--|
| Các ngày nghỉ | 18/04/2024, 29/04/2024, 30/04/2024, 01/05/2024 |
| Dự trữ KHĐT   | 03/06/2024 – 16/06/2024                        |

**ĐỊA CHỈ CÁC GIẢNG ĐƯỜNG BỐ TRÍ GIẢNG DẠY HK ĐẦU NĂM 2024**

| GIẢNG ĐƯỜNG | CƠ SỞ                       | ĐỊA CHỈ                                   | GHI CHÚ |
|-------------|-----------------------------|---|---------|
| GD A...     | Cơ sở A                     | 59C Nguyễn Đình Chiểu, P.VTS, Q.3         |         |
| GD B1...    | Cơ sở B – Khu B1            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD B2...    | Cơ sở B – Khu B2            | 279 Nguyễn Tri Phương, P.5, Q.10          |         |
| GD C...     | Cơ sở C                     | 91 Đường 3 tháng 2, P.11, Q.10            |         |
| GD E...     | Cơ sở E                     | 54 Nguyễn Văn Thủ, P.Đa Kao, Q.1          |         |
| GD H...     | Cơ sở H                     | 1A Hoàng Diệu, P.10, Q.Phú Nhuận          |         |
| GD V...     | Cơ sở VTS (Viện ĐMST)       | 232/6 Võ Thị Sáu, P.VTS, Q.3              |         |
| GD N1...    | Cơ sở NVL – Khu Hiệu bộ     | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |
| GD N2...    | Cơ sở NVL – Khu Giảng đường | Khu số 15, Xã Phong Phú, Huyện Bình Chánh |         |

**LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN SẼ ĐƯỢC PHÒNG KHĐT – KT THÔNG BÁO SAU  
(xem tại trang <https://student.ueh.edu.vn> hoặc <https://khdtk.ueh.edu.vn>)**

**NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ KHÓA 28.3 LTCQ**

| TÊN HỌC PHẦN            | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV  | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|-------------------------|-----------|----|-----------------|----------|---------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Hệ thống thông tin quản |           | 3  | 24D4INF50900804 | 100      | IB01,02 | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |

|   |  |   |                 |     |         |   |   |               |        |                     |  |
|---|--|---|-----------------|-----|---------|---|---|---------------|--------|---------------------|--|
| lý                                      |  |   |                 |     |         |   |   |               |        |                     |  |
| Mô hình kinh doanh và khoa học ứng dụng |  | 3 | 24D4BUS50318301 | 100 | IB01,02 | 3 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 09/04/24 - 16/07/24 |  |
| Phân tích kinh doanh                    |  | 3 | 24D4BUS50318001 | 100 | IB01,02 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 06/01/24 - 13/04/24 |  |
| Quản trị nguồn nhân lực quốc tế         |  | 3 | 24D4BUS50318205 | 100 | IB01,02 | 7 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 20/04/24 - 20/07/24 |  |
| Quản trị tài chính                      |  | 3 | 24D4FIN50503901 | 100 | IB01,02 | 5 | 4 | 17g45 - 21g10 | B2-108 | 04/01/24 - 04/04/24 |  |

### CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG KHÓA 28.3 LTCQ

| TÊN HỌC PHẦN                         | VN/<br>EN | TC | MÃ LHP          | SL<br>DK | LỚP SV | THỨ | ST | GIỜ HỌC       | GD     | THỜI GIAN HỌC       | GHI CHÚ |
|--------------------------------------|-----------|----|-----------------|----------|--------|-----|----|---------------|--------|---------------------|---------|
| Ngân hàng quốc tế                    |           | 3  | 24D4BAN50600801 | 30       | NH01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 09/04/24 - 16/07/24 |         |
| Ngân hàng đầu tư                     |           | 3  | 24D4BAN50601401 | 30       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 20/04/24 - 20/07/24 |         |
| Quản trị và chiến lược ngân hàng     |           | 3  | 24D4BAN50608401 | 30       | NH01   | 7   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 06/01/24 - 13/04/24 |         |
| Tài chính doanh nghiệp               |           | 3  | 24D4FIN50500101 | 30       | NH01   | 3   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 02/01/24 - 02/04/24 |         |
| Thị trường và các định chế tài chính |           | 3  | 24D4BAN50608801 | 30       | NH01   | 5   | 4  | 17g45 - 21g10 | B1-707 | 04/01/24 - 04/04/24 |         |